TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-02-2026.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Phát;

Bà Phan Thị Oanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thúy V, sinh năm 1981; cư trú tại: khu phố B, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1979; cư trú tại: khu phố B, phường T, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị Thúy V trình bày:

Chị và anh Lê Quang T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó anh T thường xuyên uống rượu về đánh, chửi chị và đập phá tài sản trong nhà. Đến đầu năm 2025, mâu thuẫn càng trầm trọng nên tháng 9/2025, chị về nhà mẹ đẻ sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang T.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Xuân T, sinh ngày 12/8/2002 và Lê Xuân N, sinh ngày 29/6/2010; hai con hiện đang ở với anh T. Ly hôn, cháu Tâm đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Xuân N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Lê Quang T trình bày: Anh thống nhất việc kết hôn như chị V trình bày. Trong quá trình chung sống, anh có lần uống rượu, bia về đánh chị V nhưng nay anh hứa sẽ sửa chữa tính tình, không đánh chị V nữa. Anh còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị V trình bày; cháu Tâm đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; cháu Nhi hiện nay đang ở với anh, con đã lớn có nguyện vọng muốn ở với ai thì người đó nuôi. Nếu chị V nuôi cháu Nhi thì anh sẽ chu cấp nuôi con theo khả năng của mình, không yêu cầu ghi vào bản án, quyết định. Về tài sản chung: anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Quang T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thúy V và bị đơn anh Lê Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, nguyên đơn và bị đơn sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm; bị đơn uống rượu, bia về đánh nguyên đơn; đầu năm 2025, mâu thuẫn xảy ra càng trầm trọng hơn. Nay nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 9/2025 đến nay, không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn thừa nhận khi uống rượu, bia về có đánh nguyên đơn nhưng không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con; lý do của bị đơn là chưa có căn cứ thuyết phục và nguyên đơn cũng không chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về nuôi con chung: Nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là Lê Xuân T, sinh ngày 12/8/2002 và Lê Xuân N, sinh ngày 29/6/2010; hai con hiện đang ở với bị đơn. Ly hôn, cháu Lê Xuân T đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Xuân N là phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con Lê Xuân N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Ngô Thị Thúy V được ly hôn với anh Lê Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Lê Xuân N, sinh ngày 29/6/2010 cho nguyên đơn chị Ngô Thị Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Lê Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị Thúy V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0002256 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND KV 11- Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường Bình Kiến;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa